

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐAM RÔNG  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Số: 14/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 06/8/2024

V/v “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAM RÔNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Thúy Phương
- *Các Hội thẩm nhân dân:* - Bà: K’Nga  
- Bà: Liêng Hót Ri Ôn
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Thanh – Thư ký Tòa án huyện Đam Rông.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông tham gia phiên tòa:* - bà Nguyễn Thị Yên- Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 06 tháng 8 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng mở phiên Tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 33/2024/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2024. Giữa:

\* *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị K; Sinh năm: 1984

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Có mặt tại phiên tòa.

\* *Bị đơn:* Ông Bạch Tùng G (S); Sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Có mặt tại phiên tòa.

\* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng N – Chi nhánh huyện Đ tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ: Thôn A, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Cao L. Chức vụ: Giám đốc.

Vắng mặt tại phiên tòa và có đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trình bày của nguyên đơn bà Lê Thị K trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì:*

Bà và ông Bạch Tùng G sau một thời gian quen biết và tìm hiểu về nhau khoảng một năm thì quyết định đi đến hôn nhân, ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng vào năm 2002. Hôn nhân giữa bà và

ông G là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sinh sống tại L được một thời gian, đến năm 2007 thì chuyển đến xã Đ, huyện Đ sinh sống cho đến nay. Tuy nhiên, cũng từ đó cuộc sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, trong việc nuôi dạy con cái nên dẫn đến việc hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, không khí gia đình luôn nặng nề, ảnh hưởng rất lớn đến con cái, vài năm trở lại đây mâu thuẫn lại càng thêm trầm trọng, hai vợ chồng không thể hòa hợp được, đến tháng 12/2023 thì bà và con trai đã thuê nhà ra ở riêng để cháu có thể tập trung cho việc học. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Bạch Tùng G.

Về con chung: bà và ông G có 02 con chung là cháu Bạch Tùng D, sinh ngày 17/7/2003 và cháu Bạch Tùng D1 sinh ngày 30/5/2006. Hiện nay các con đã trưởng thành, phát triển tốt nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Hai vợ chồng có nợ ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đ số tiền 100.000.000 đồng và nợ Ngân hàng N – chi nhánh huyện Đ số tiền 400.000.000 đồng. Khi ly hôn bà sẽ có trách nhiệm thanh toán 100.000.000 đồng cho ngân hàng chính sách huyện Đ, ông G có trách nhiệm thanh toán 400.000.000 đồng cho Ngân hàng N – chi nhánh huyện Đ.

Ngoài ra, bà không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

*\* Bị đơn – ông Bạch Tùng G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia làm việc tại Tòa án mà không có lý do. Tại phiên tòa ông G trình bày: ông thừa nhận ông có quan hệ hôn nhân và con chung, nợ chung như nội dung trình bày của bà K là đúng. Tuy nhiên, trong quan hệ gia đình thì bà K cũng có một số hạn chế nhất định nhưng qua yêu cầu ly hôn của bà K thì ông không đồng ý vì ông vẫn còn tình cảm với bà K, ông mong muốn gìn giữ hạnh phúc gia đình và hai vợ chồng quay về đoàn tụ gia đình, nuôi dạy con cái.*

Về nợ chung ông đồng ý nhận trách nhiệm trả số nợ cho Ngân hàng N chi nhánh huyện Đ số tiền 400.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo hợp đồng vay đã ký.

*\* Theo người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - Ngân hàng C – Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ thì: Không yêu cầu Tòa án giải quyết khoản vay của vợ chồng bà K, ông G trong vụ án này vì vợ chồng bà K, ông G đã thỏa thuận nghĩa vụ trả nợ tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ.*

*\* Theo người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Đ thì: Hiện nay bà Lê Thị K và ông Bạch Tùng G đang vay vốn tại A chi nhánh Đ theo hợp đồng tín dụng số 5493LAV202301380; số tiền vay 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng chẵn); thời hạn vay từ ngày 04/3/2024 đến ngày 25/8/2024. Dư nợ đến ngày 23/5/2024 là: 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng chẵn). Tài sản bảo đảm tiền vay cho hợp đồng tín dụng nêu trên bao gồm: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: diện tích 9.732 m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 106, tờ bản đồ*

số 19, xã Đ, số sổ CU 443279, do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 22/6/2020. Để đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của các bên. Nếu bà Lê Thị K và ông Bạch Tùng G thống nhất dùng toàn bộ số tài sản đã thế chấp để tiếp tục đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ tại ngân hàng hoặc thống nhất giao toàn bộ tài sản đã thế chấp trên cho một người và người đó chịu trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng thì ngân hàng chưa yêu cầu khách hàng trả nợ (do chưa vi phạm hợp đồng tín dụng).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Qua xem xét tài liệu có trong hồ sơ vụ án, cũng như lời khai nhận của các bên đương sự tại phiên tòa thì thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa bà K và ông G, quá trình chung sống giữa hai bên xảy ra mâu thuẫn, xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà K và ông G không còn khả năng hàn gắn lại được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà K. Về con chung, do các con chung của ông G, bà K đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển bình thường và các bên không yêu cầu nên đề nghị không đặt ra để xem xét. Về tài sản chung bà K và ông G tự thỏa thuận phân chia nên đề nghị không đặt ra để xem xét. Về nợ chung, do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng C – phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ và Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Đ không yêu cầu nên đề nghị không đặt ra để xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn bà K phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm của vụ án theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Sau khi nghiên cứu xem xét các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm định tại tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án*:

Xuất phát từ việc nguyên đơn bà Lê Thị K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Bạch Tùng G, phân chia trách nhiệm trả nợ chung nên Hội đồng xét xử xác định, đây là vụ kiện ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Hiện nay, bị đơn ông Bạch Tùng G có địa chỉ tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đam Rông theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn – bà K*: Bà Lê Thị K và ông Bạch Tùng G đã tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy

ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng vào năm 2002, nên xác định hôn nhân của bà K và ông G là hợp pháp. Tuy nhiên, cuộc sống hôn nhân của ông bà K và ông G không mang lại hạnh phúc như mong muốn, tồn tại nhiều mâu thuẫn nên bà K xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà K cương quyết yêu cầu ly hôn với ông Bạch Tùng G.

Về phía bị đơn ông G, trong suốt quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông G không có mặt theo giấy triệu tập, giấy báo của Tòa án mà không có lý do. Tại phiên tòa, ông G yêu cầu Tòa án hòa giải, mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ gia đình, nuôi dạy con cái. Tuy nhiên, ông G không thể hiện thiện chí của mình về việc muốn tiếp tục quan hệ hôn nhân với bà K, để bà K suy nghĩ lại, rút yêu cầu ly hôn để hai vợ chồng chung sống. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng ông G chưa chấp hành pháp luật tốt, không có cơ sở để chấp nhận lời trình bày của ông G. Đồng thời căn cứ theo kết quả xác minh quan hệ hôn nhân của ông bà tại địa phương thì thấy rằng cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà K là phù hợp.

[4] **Về con chung:** Quá trình chung sống bà K và ông G có hai người con chung là cháu Bạch Tùng D, sinh ngày 17/7/2003 và cháu Bạch Tùng D1 sinh ngày 30/5/2006. Do cháu D và cháu D1 đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển tốt, các bên không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[5] **Về tài sản chung:** bà K và ông G tự thỏa thuận phân chia, không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] **Về nợ chung:** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng C - phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ và Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] **Về án phí:** Buộc bà Lê Thị K phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

### Xử:

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Bà Lê Thị K và ông Bạch Tùng G được ly hôn.

**2. Về án phí:** Bà Lê Thị K phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005345 ngày 14/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đam Rông. Bà K đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm của vụ án.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (06/8/2024), đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo trình tự, thủ tục phúc thẩm./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSNDH. Đam Rông;
- CC THADS H. Đam Rông;
- UBND xã Phúc Thọ, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Thúy Phượng**

